

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 02 - 2019
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

2. Ông Nguyễn Thanh Lâm.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 542/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Võ Thị G**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Lợi B, xã Tân Long, huyện P H, tỉnh H G.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2 (Phú Mỹ), xã P V, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

Anh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề 04 tháng 01 năm 2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị G trình bày:*

Chị và anh K cưới nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, Quyền 01 vào ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P V, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 06 năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không

hợp nhau, anh K không quan tâm đến vợ con. Chị và anh K đã ly thân từ tháng 06 năm 2011 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt K T, sinh ngày 08/6/2010. Hiện con chung đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

** Bị đơn anh Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2019 anh K trình bày:*

Anh và chị G cưới nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, Quyền 01 vào ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P V, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 06 năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh và chị G đã ly thân từ tháng 06 năm 2011 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên qua yêu cầu ly hôn của chị G thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt K T, sinh ngày 08/6/2010. Hiện con chung đang sống với chị G. Khi ly hôn anh đồng ý để chị G nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tuy nhiên việc gửi và tổng đạt thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự là vi phạm Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự, nên kiến nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị G đối với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhựt K T cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G nuôi con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/01/2019 nên Tòa án xét xử vắng mặt anh K là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị G và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 2008, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P V vào năm 2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ tháng 06/2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ tháng 06 năm 2011 cho đến nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn thì anh K cũng đồng ý, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị G và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị G và anh K theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. *Về con chung:* Quá trình chung sống chị G, anh K có 01 con chung tên Nguyễn Nhựt K T, sinh ngày 08/6/2010. Con chung hiện nay đang sống với chị G. Chị G yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ trước đến nay con chung đều sống chung với chị G và chị G nuôi con chung vẫn phát triển bình thường, cháu K T cũng có nguyện vọng được sống chung với chị G và nhằm ổn định về tinh thần của con chung anh chị. Do đó, để chị G nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị G; Ghi nhận chị G nuôi con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung:* Chị G khai không có, anh K khai vợ chồng có tài sản chung nhưng cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị G và anh Nguyễn Văn K.

[2]. Về con chung: Chị Võ Thị G được nuôi con chung tên Nguyễn Nhựt K T, sinh ngày 08/6/2010. Ghi nhận sự tự nguyện chị G nuôi con chung không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021017 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy chị Võ Thị G đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã P V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu